TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HC-PT
Ngày: 29 - 01 - 2019

V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười.

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 172/2018/TLPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2018 về khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC- ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 734/2018/QĐ- PT ngày 01 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1410/2018/QĐ- PT ngày 19 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 518/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1935/2019/QĐ- PT ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, thị xã B, tỉnh V1

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Kỳ V– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh V1

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quang T– Phó Chủ tịch UBND tỉnh V1 (là đại diện theo ủy quyền, văn bản số 1493 ngày 06/7/2017) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V1 (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh V1.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh V1: Ông Nguyễn Văn D – Phó Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh V1 (Văn bản số 15/GUQ-UBND ngày 17/7/2017) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã B: Ông Nguyễn Thanh P – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã B (vắng mặt).

3.2. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh V1:

Người đại diện theo ủy quyền của Trưởng Ban: Ông Đặng Quang T1– Phó Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (xin xét xử vắng mặt) và Ông Trương Văn T2 – Trưởng Phòng Quản lý quy hoạch Xây dựng và Môi trường (có mặt)

3.3. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

3.4. Ông Huỳnh Long B1, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

3.5. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

3.6. Ông Huỳnh Văn T4, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

3.7. Bà Nguyễn Thị Bích T5, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

3.8. Cháu Huỳnh Hàn Thiên V, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M1, thị xã B, tỉnh V1.

4. *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Ngọc H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/5/2017, ông Huỳnh Ngọc H trình bày:

Quyết định hành chính bị kiện là Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V1 (UBND) về việc thu hồi và giao đất 163,2 hecta. Trong đó có hộ của ông theo Tờ khai kiểm kê trong đó đất vườn 3.269m^2, đất thổ cư 300m^2, 01 căn nhà cấp 4 khung cột bê tông cốt thép, tổng số tiền bồi thường 142.126.000 đồng.

Quá trình trước khi thu hồi đất không họp dân có đồng ý giao đất làm Khu Công nghiệp (KCN) hay không, UBND tỉnh vẫn tiến hành ban hành quyết định thu hồi đất. UBND tỉnh V1 không công khai niêm yết tại nơi cư trú của người bị

thu hồi đất, chỉ đưa bản kiểm kê, không đưa quyết định thu hồi đất. Hộ gia đình ông chỉ nhận 10 loại giấy tờ do Ban giải phóng mặt bằng tự kiểm kê, tự áp giá mức bồi hoàn nhưng gia đình ông cũng không biết và cũng không ký.

Trong quá trình khiếu nại ông yêu cầu UBND tỉnh V1 ban hành quyết định thu hồi đất của từng cá nhân, yêu cầu UBND tỉnh V1 giải quyết Quyết định số 2016/QĐ.UB đúng với Luật đất đai năm 2003. Ngày 14/6/2004 có Thông báo về việc tháo dỡ di dời công trình phụ và phát hoang cây trồng cũng không có quyết định thu hồi đất. Ngày 20/9/2004 Trưởng Phòng PV28 đến Ấp M họp, lý do ông ngăn cản không cho H1 khởi công vì làm KCN. Bình Minh mà UBND tỉnh cho phép H1 rao bán nền nhà với giá 1.800.000 đồng/m^2, trong khi đó thu hồi bồi thường 35.100 đồng/m^2 nên ông không đồng ý, tiếp tục gởi đơn đến UBND tỉnh V1.

Ông yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 đối với phần thu hồi phần đất của hộ ông, cụ thể: Đất vườn 3.269m^2, đất thổ 300m^2, đất còn thiếu 290m^2, tổng diện tích 3.759m^2. Đồng thời, ông đề nghị UBND tỉnh V1 bồi thường thiệt hại vườn bưởi của ông trong suốt thời gian 13 năm bình quân mỗi công 50.000.000 đồng/công/năm. Tổng số tiền 2.442.350.000 đồng.

Tại Bản khai bổ sung ngày 08/7/2017, ông H trình bày:

Điều 21 Luật đất đai năm 2003 quy định khi thu hồi đất phải dân chủ và công khai, nhưng không họp dân và niêm yết.

Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004, căn cứ Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 đã hết hiệu lực pháp luật, trong khi Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực. Khi nhận Tờ kiểm kê áp giá bồi hoàn vào tháng 4/2004 lý do giải phóng mặt bằng, không niêm yết từ khâu đo đạc, kiểm kê đến việc áp giá bồi hoàn. Ban giải phóng mặt bằng tự tính, không được giải thích nên ông không đồng tình.

Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 của UBND tỉnh, Thông báo số 24/TB.UBX ngày 19/7/2004 của UBND xã M1 ông không biết quyết định và Thông báo này.

Sau khi có Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006, ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Thông báo số 47/TB-UBND ngày 09/7/2009 đây là thông báo không phải là quyết định.

Biên bản đối thoại ngày 27/12/2016 không có gì khác so với Quyết định 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006.

Ông yêu cầu hủy một phần Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 do không thực hiện đủ trình tự thủ tục theo quy định Luật đất đai năm 2003.

Đối với Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004, ông không biết nên không có yêu cầu.

Tại phiên đối thoại ông Huỳnh Ngọc H trình bày: Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 giải quyết khiếu nại, ông không có ký nhận nhưng có biết quyết định này. Ông đã nhận nền tái định cư diện tích 150m^2 và đã bán lại cho người khác với giá 120.000.000 đồng. Lý do từ năm 2006 đến 2017 ông không khởi kiện ra Tòa là do có gởi đơn khiếu nại ở nhiều nơi (có các giấy báo phát), đến tháng 5/2017 mới khởi kiện ra Tòa, ông không biết việc khởi kiện ra Tòa mà chỉ biết khiếu nại.

Lý do ông yêu cầu hủy Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 là do áp giá theo Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 là không đúng.

Tại Công văn số 2136/UBND-NC ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh V1 ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Văn bản số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 về việc quy hoạch xây dựng KCN Bình Minh.

Để sớm giải phóng mặt bằng triển khai xây dựng hạ tầng KCN Bình Minh; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng: *"Khi có quyết định thu hồi đất, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì có thể thành lập Hội đồng đền bù trước khi có quyết định thu hồi đất.."*. UBND tỉnh thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng (HĐĐB & GPMB) KCN Bình Minh để thực hiện việc kiểm kê, áp giá bồi hoàn đất, nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất cho những hộ bị ảnh hưởng bởi dự án.

Ngày 19/9/2003 HĐĐB & GPMB xây dựng KCN Bình Minh có Thông báo số 308/TB-HĐ về việc niêm yết công khai áp giá bồi hoàn KCN Bình Minh. Ngày 10/10/2003 HĐĐB & GPMB xây dựng KCN Bình Minh lập Biên bản kết thúc việc niêm yết áp giá bồi hoàn KCN Bình Minh.

Ngày 18/3/2004 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 585/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh số tiền 110.076.519.000 đồng cho 680 tổ chức, cá nhân.

Ngày 08/7/2004 Chủ tịch UBND tỉnh V1 ban hành Quyết định số 2016/QĐ.UB về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất diện tích 1.632.122,6m^2 đất tọa lạc Ấp M và ấp Mỹ Lợi, xã M1, huyện Bình Minh cho BQL các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN Bình Minh.

Ngày 19/7/2004 UBND xã M1 Thông báo số 24/TB.UBX về việc quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh V1 để xây dựng KCN Bình Minh (nơi nhận của thông báo này có ghi: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất).

Dự án xây dựng KCN Bình Minh có 680 tổ chức, hộ gia đình bị ảnh hưởng, trong đó có 657/680 tổ chức, hộ gia đình đồng ý nhận tiền bồi hoàn, hỗ trợ và bố trí tái định cư, chỉ còn 23 hộ gia đình không đồng ý giá bồi hoàn, hỗ

trợ và tái định cư nên không nhận tiền và làm đơn khiếu nại, yêu cầu gởi UBND tỉnh, trong đó có hộ của ông H(Đơn khiếu nại ghi ngày 11/5/2005).

Căn cứ thẩm quyền được quy định tại Điều 138 Luật đất đai năm 2003; Điều 23 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 sửa đổi, bổ sung năm 2004. Ngày 19/01/2006 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông H yêu cầu tăng giá đền bù đất, cây trồng và nhận tiền học nghề, chấp nhận yêu cầu xét bố trí 01 lô tái định cư diện tích 150$m^{2.}$. Ngày 24/02/2006 tổ chức công bố và trao quyết định giải quyết khiếu nại cho ông H.

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, ông H cùng các hộ dân gởi đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

Ngày 26/12/2007 Thanh tra Chính phủ có Báo cáo số 2746/BC-TTCP về kết quả thanh việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân liên quan đến KCN Bình Minh, tỉnh V1 gởi Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh V1:

Ban hành đầy đủ quyết định giải quyết khiếu nại của công dân theo quy định của pháp luật. Với những trường hợp đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng nay họ có đơn khiếu nại tiếp cần xem xét lại, nếu khiếu nại đúng thì ban hành quyết định thay thế (sửa), nếu khiếu nại sai thì có văn bản trả lời.

Thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, ngày 30/6/2009 Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức đối thoại với đại diện 22 hộ dân có khiếu nại. Qua đó ngày 09/7/2009 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Thông báo Kết luận số 47/TB-UBND trả lời 09 nội dung khiếu nại, yêu cầu của đại diện các hộ dân (nơi nhận thông báo này có ghi: Đại diện 22 hộ dân khiếu nại KCN Bình Minh).

Như vậy, UBND tỉnh V1 khẳng định Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất diện tích 1.632.122,6m^2 đất tọa lạc Ấp M và ấp Mỹ Lợi, xã M1, huyện Bình Minh cho BQL các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN Bình Minh và Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh thì hộ gia đình của ông H đã biết được từ năm 2004, 2005, 2006; hơn nữa theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 138 Luật đất đai năm 2003: *Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân*. Nhưng từ năm 2004, 2005, 2006 đến nay (tháng 5/2017) đã hơn 11 năm ông H mới khởi kiện tại Tòa án.

Từ những cơ sở trên, căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu để ông H khởi kiện Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 và buộc UBND tỉnh V1 bồi thường thiệt hại về cây trồng số tiền 2.442.350.000 đồng đã hết.

UBND tỉnh V1 bảo lưu Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V1 đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tại Công văn 2789/UBND-NC ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về việc phúc đáp bổ sung như sau:

Sau khi có Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông H, UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung nội dung giải quyết khiếu nại nào khác.

Đến nay UBND thị xã B chưa thu hồi hoặc chỉnh lý biến động giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với phần đất bị thu hồi.

Kết quả giải quyết lại theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ không có nội dung nào khác so với Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006.

Các cuộc đối thoại ngày 30/6/2009 và ngày 27/12/2016 thực chất là các cuộc tiếp công dân mục đích để phân tích, giải thích cho các hộ dân hiểu rõ quy định về bồi thường đất, cây trồng, bố trí tái định cư và một số chính sách hỗ trợ khác cũng như việc UBND tỉnh không ban hành quyết định thu hồi đất của từng cá nhân, hộ gia đình để thực hiện dự án KCN Bình Minh. Qua đó động viên, vận động các hộ dân đồng thuận, đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và diện tích tái định cư, tự nguyện giao đất để giao nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư phát triển kinh tế của địa phương.

Tại phiên đối thoại ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông H khởi kiện Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 về giá bồi hoàn là không đúng, vì áp giá bồi hoàn là theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004. Về diện tích đất ông H có khiếu nại, ông H xuất trình giấy Chứng nhận của ông T6, trong khi đó ông Tạ Văn T6 được cấp giấy Chứng nhận trên đất của ông Đào Văn T7 và chưa được cấp đổi lại theo đúng quy định, ông H mua đất của ông T6 thời điểm này cũng chưa được cấp đổi. Do đó, diện tích đất của ông H không đúng là lý do như trình bày trên. Ông H và ông T6 chưa lập thủ tục chuyển nhượng theo quy định, do đó việc chuyển nhượng cũng chưa phù hợp. Việc áp giá là đúng quy định tại Nghị định 87/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ quy định khung giá các loại đất, trên cơ sở đó UBND tỉnh ban hành giá đất là sát với giá thị trường.

Việc ông H cho rằng việc áp giá theo Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 là không đúng. Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực vào tháng 7/2004 nhưng chưa có văn bản hướng dẫn, do đó Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 vẫn còn có hiệu lực và UBND tỉnh áp dụng cho việc bồi thường là đúng quy định.

Ông H cho rằng chưa nhận Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006, nhưng qua thông tin và chứng cứ cho thấy ông H đã biết quyết định này. Ông H cho rằng đã khiếu nại nhiều nơi, liên tục thì chưa có cơ sở. Về thời hạn thời hiệu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét và vẫn bảo lưu Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004.

Tại Công văn số 646/UBND-NC ngày 18/7/2017 của UBND thị xã B phúc đáp như sau:

UBND thị xã B không xác định Thông báo 24/TB.UBX ngày 19/7/2004 có được tống đạt đến đương sự hay không, dự án KCN Bình Minh do UBND tỉnh thành lập HĐĐB & GPMB để thực hiện. Tuy nhiên, phần nơi nhận của Thông báo có ghi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất; quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh là quyết định chung kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và Trích đo bản đồ địa chính nên không xác định được từng hộ gia đình, cá nhân có ý kiến hay không.

Theo Quyết định số 581/QĐ.UBT ngày 19/3/2001 của UBND tỉnh V1 về việc thành lập HĐĐB & GPMB; tại thời điểm này việc kiểm kê, lập phương án đền bù, thu hồi đất là do HĐĐB & GPMB thực hiện, UBND huyện Bình Minh (nay là thị xã B) chỉ tham gia hỗ trợ.

Tờ khai và kiểm kê là do HĐĐB & GPMB thực hiện, UBND huyện Bình Minh (nay là thị xã B) không tham gia nên không xác định (đương sự không ký xác nhận; có trường hợp người có thẩm quyền không xác nhận).

Theo quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, ông H chưa nhận tiền đền bù nên chưa giao giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để thu hồi theo quy định.

Từ khi UBND tỉnh V1 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, UBND thị xã B không có nhận đơn của hộ gia đình, cá nhân liên quan đến việc giải quyết đơn khiếu nại của UBND tỉnh.

Việc tổ chức chi trả bồi thường là do HĐĐB & GPMB thực hiện (trực tiếp là Ban Quản lý các KCN tỉnh).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định diện tích thu hồi tuy chưa làm thủ tục chuyển nhượng đầy đủ nhưng diện tích thu hồi là đúng. Ông H yêu cầu hủy một phần quyết định thu hồi đất vì căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ áp dụng là không đúng vì Nghị định này đã hết hiệu lực. Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 132/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh có nội dung bác yêu cầu của ông H không đúng với Luật đất đai năm 2003. Ông H rút lại việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền là 2.442.350.000 đồng/3.269m^2.

Tại Bản án hành chính số 17/2017/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh V1 đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông có diện tích 3.269m^2, quyết định này kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 về việc giải quyết đơn khiếu nại về yêu cầu tăng giá đền bù đất, cây trồng và nhận tiền học nghề của ông Huỳnh Ngọc H.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc H đòi bồi thường thiệt hại số tiền 2.442.350.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2017, ông Huỳnh Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Ngọc H đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông có diện tích 3.269m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Sau khi có bản án sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo trong thời hạn luật định, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB (gọi tắt Quyết định số 2016) ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông có diện tích 3.269m^2. Yêu cầu của ông H là có căn cứ vì 05 lý do sau:

Lý do thứ nhất: Theo quy định của Luật đất đai năm 2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004, việc thu hồi đất của ông H là đất nông nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi đất là vi phạm khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003. Chủ tịch UBND tỉnh áp dụng Luật đất đai năm 1993 khi chưa có Nghị định hướng dẫn Luật đất đai năm 2003 là không đúng. Bộ Tài nguyên và Môi trường có công văn 2162 hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003, thi hành Luật đất đai năm 2003 từ ngày 01/7/2004. Điều 44 Luật đất đai năm 2003 không có yêu cầu văn bản hướng dẫn.

Lý do thứ hai: Thẩm quyền ban hành Quyết định, theo Điều 83 Luật tổ chức HĐND -UBND thì UBND mới có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất. Chủ tịch UBND ban hành văn bản là trái thẩm quyền, căn cứ vào văn bản số 300 ngày 25/8/2000 của Bộ tư pháp là không đúng.

Lý do thứ ba: Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 là quyết định tổng thể, không có quyết định thu hồi đất với ông H.

Lý do thứ tư: UBND tỉnh V1 không xuất trình biên bản họp dân trước khi thu hồi đất.

Lý do thứ năm: UBND tỉnh V1 không cung cấp đầy đủ bản báo cáo của Thanh tra Chính phủ, chỉ cung cấp bốn trang. KCN Bình Minh chưa được Chính phủ cho phép. Quyết định số 2016 là sai, thủ tục thu hồi đất không có đầu tư dự án. Việc ban hành Quyết định số 585 là sai chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Trong báo cáo cũng nêu kiến nghị sửa chữa sai lầm, kỷ luật cán bộ

làm sai. Từ ngày 29/01/2008 UBND tỉnh V1 chưa hợp thức hóa việc Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng KCN Bình Minh.

Ông H trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh V1 trình bày: Không đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vì việc thu hồi đất để phát triển kinh tế, phù hợp Điều 39, 40 Luật đất đai năm 2003. Căn cứ Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ và Thông tư số 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14/12/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn thủ tục giao đất và thu hồi đất là đúng trình tự và đúng thẩm quyền. Công văn 2162 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được xác định tại phần 1 của Công văn là trình tự thủ tục theo quy định hiện hành là theo quy định tại Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ và Thông tư số 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14/12/2001 của Tổng Cục địa chính. UBND tỉnh thu hồi đất, quyết định sai thẩm quyền, nội dung thu hồi không sai. Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quyền quản lý Nhà nước tại địa phương thu hồi đất thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. UBND tỉnh ban hành Quyết định tổng thể, có danh sách các hộ bị thu hồi, có sơ đồ hiện trạng đất, có diện tích rõ ràng. Trước khi thực hiện dự án có tiến hành họp dân nhưng do UBND xã di chuyển nên làm thất lạc biên bản. Biên bản họp dân ấp Mỹ Lợi vẫn còn, biên bản họp dân Ấp M thất lạc, có tiến hành kiểm kê, đo đạc, xác định tài sản của các hộ dân. UBND tỉnh cung cấp các phần liên quan đến các hộ dân để phục vụ cho việc xét xử nên không cung cấp đầy đủ báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Chính phủ đã có Công văn số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 thống nhất cho tỉnh V1 xây dựng KCN Bình Minh phát triển kinh tế. Thực hiện chủ trương, UBND tỉnh V1 tiến hành thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo của Thanh tra Chính phủ cũng đã kết luận việc UBND tỉnh V1 xin xây dựng chủ trương xây dựng KCN Bình Minh là phù hợp chủ trương phát triển đất nước và phát triển tỉnh V1, các vấn đề sai phạm như kiểm điểm cơ quan, đơn vị tham mưu sai; giải quyết tăng quyền lợi cho 17 trường hợp; tiếp tục phối hợp cơ quan chức năng giải quyết khó khăn cho dân (UBND tỉnh đã thực hiện) cụ thể cấp cho con của ông H thêm 01 nền tái định cư 60 m^2 .

Ông T trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

Ông D trình bày: KCN Bình Minh có 680 tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng. Việc họp dân là cần thiết, có tổ chức họp dân nhưng biên bản họp dân của Ấp M thất lạc nhưng những người dân đã nhận tiền đền bù có xác nhận đã tham dự cuộc họp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quyết định số 2016 là vi phạm về thẩm quyền ban hành. Văn bản UBND tỉnh đưa ra phạm vi điều chỉnh là giao đất, không phải thu hồi đất. Thẩm quyền của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh là khác nhau. Hiện nay, UBND tỉnh vẫn không xuất trình được biên bản họp dân, nói biên bản bị thất lạc là không được.

Báo cáo của Thanh tra Chính phủ ngoài việc xử lý sai phạm của cá nhân, đơn vị thì cũng nêu rõ Ban quản lý KCN Vĩnh Long, Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh V1 bổ sung hoàn thiện thủ tục còn thiếu theo quy định của pháp luật. UBND tỉnh chưa thực hiện do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB có liên quan đến ông H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc H:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Văn bản số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 về việc quy hoạch xây dựng KCN Bình Minh, ngày 18/3/2004 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 585/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh, trong đó có hộ ông H được bồi thường. Ngày 08/7/2004 Chủ tịch UBND tỉnh V1 ban hành Quyết định số 2016/QĐ.UB về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất diện tích 1.632.122,6m^2 đất tọa lạc Ấp M và ấp Mỹ Lợi, xã M1, huyện Bình Minh cho BQL các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN Bình Minh, trong danh sách các hộ dân có hộ ông H. Xét Quyết định số 2016/QĐ.UB thì nội dung Quyết định số 2016/QĐ.UB, diện tích đất ông H bị thu hồi phù hợp với trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tờ kê khai, kiểm kê tài sản có xã xác nhận, có Hội đồng đền bù xem xét. Tại phiên tòa ông H xác định diện tích thu hồi đúng, không có ý kiến về diện tích bị thu hồi. Quyết định số 2016/QĐ.UB thu hồi của ông H 3.269 m^2 là phù hợp, thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh V1 là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức HĐND, điểm b khoản 1 Nghị định 66 của Chính phủ ngày 28/9/2001 và Thông tư 2074 của Tổng cục Địa chính. Quyết định số 2016/QĐ.UB được ban hành đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB liên quan đến ông H là có căn cứ.

Đối với Quyết định số 132; Ông H yêu cầu tăng giá bồi thường nhưng việc áp giá bồi thường thực hiện theo Quyết định số 585, đúng Nghị định 22 của Chính phủ. UBND tiến hành niêm yết công khai giá bồi hoàn, dân không có khiếu nại. UBND nâng giá bồi thường lên 30%, hoàn toàn có lợi cho ông H. Quyết định số 132 đã cấp nền tái định cư cho ông H, ông H đã nhận nền và đã chuyển nhượng cho người khác. UBND tỉnh cũng đã hỗ trợ tiền học nghề cho ông H. Quyết định số 132 ban hành đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh V1 bác đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Huỳnh Ngọc H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Ông Huỳnh Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông H có diện tích 3.269m^2 và Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 về việc giải quyết đơn khiếu nại về yêu cầu tăng giá đền bù đất, cây trồng và nhận tiền học nghề của ông Huỳnh Ngọc H. Các quyết định này là Quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1, quyết định này kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó thể hiện cụ thể từng cá nhân có đất bị thu hồi (số thứ tự, số thửa đất, diện tích đất).

Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 của UBND tỉnh V1 về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh, trong đó kèm theo danh sách bồi hoàn di dời giải tỏa hộ dân để thi công công trình: KCN Bình Minh ngày 14/4/2004 của BQL các KCN tỉnh V1.

Các quyết định này được ban hành trong đó ghi nhận danh sách các hộ dân có đất bị thu hồi và danh sách bồi hoàn trực tiếp tác động đến quyền và lợi ích của hộ ông Huỳnh Ngọc H.

Ông H cho rằng các quyết định nêu trên là quyết định tổng thể, không ban hành quyết định cá biệt và trực tiếp gởi cho ông H là không có căn cứ, không phù hợp với Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công bố án lệ (Án lệ số 10/2016/AL): Tại quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án đền bù của UBND tỉnh kèm theo Bảng tổng hợp danh sách diện tích và Trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Danh sách bồi hoàn di dời giải tỏa hộ dân để thi công công trình KCN Bình Minh ngày 14/4/2004 của BQL các KCN tỉnh V1. Trong đó có hộ của ông H.

Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 về việc giải quyết khiếu nại của ông H.

Ông H tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ. Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 702/VPCP-V.II ngày 29/01/2008 có nội dung: Đồng ý với kết luận, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Báo cáo số 2746/BC-TTCP ngày 26/12/2007. Giao Chủ tịch UBND tỉnh V1 thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ: Kiến nghị UBND tỉnh V1 tiếp tục giải quyết các khiếu nại của người dân (khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định giải quyết khiếu nại chưa phù hợp).

Ngày 30/6/2009 và ngày 27/12/2016 UBND tỉnh tổ chức đối thoại các hộ dân trong đó có hộ của ông. Đại diện người bị kiện cho rằng các cuộc tiếp công dân mục đích để phân tích, giải thích cho các hộ dân hiểu rõ quy định về bồi thường đất, cây trồng, bố trí tái định cư và một số chính sách hỗ trợ khác. Người bị kiện xác định các nội dung đối thoại với ông H không có nội dung nào khác so với Quyết định giải quyết khiếu nại số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006. Hộ ông H không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Xét các cuộc tiếp xúc theo trình bày của người bị kiện thực hiện theo kết luận của Thanh tra Chính phủ, tuy không có nội dung khác so với quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng hộ ông H không đồng ý và tiếp tục khởi kiện tại Tòa án. Thể hiện qua các giai đoạn đối thoại vào năm 2009, 2016. Do đó, việc khởi kiện của ông H là liên tục và còn trong thời hạn được quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân tỉnh V1 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, tại phiên tòa phúc thẩm, ông H yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông có diện tích 3.269m^2.

[2.1] *Về thẩm quyền ban hành Quyết định:* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; mục 3 phần 2 Thông tư số 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14/12/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn trình tự lập, xét duyệt hồ sơ giao đất, thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước. Chủ tịch UBND tỉnh V1 đã ban hành các quyết định:

+ Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh.

+ Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án quy hoạch các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN Bình Minh.

+ Quyết định giải quyết khiếu nại số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của UBND tỉnh V1 giải quyết khiếu nại.

Các quyết định nêu trên được ban hành là đúng thẩm quyền về thu hồi đất và giao đất; phê duyệt phương án đền bù, cũng như thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

[2.2] *Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định:* Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Văn bản số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 về việc quy hoạch xây dựng KCN Bình Minh. Thông báo số 308/TB-HĐ ngày 18/9/2003 của HĐĐB & GPMB KCN Bình Minh về việc niêm yết giá bồi hoàn KCN Bình Minh; Biên bản kết thúc niêm yết áp giá bồi hoàn KCN Bình Minh ngày 10/10/2003 của HĐĐB & GPMB KCN Bình Minh.

Ngày 18/3/2004 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 585/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh.

Ngày 08/7/2004 Chủ tịch UBND tỉnh V1 ban hành Quyết định số 2016/QĐ.UB về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất.

Ngày 08/7/2004 UBND tỉnh V1 ban hành Quyết định số 2017/QĐ.UB về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất 300.169m^2 tọa lạc tại ấp Mỹ Lợi, xã M1, huyện Bình Minh cho Công ty Cổ phần tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc H1 để xây dựng khu nhà ở phục vụ KCN Bình Minh. Quyết định số 1752/QĐ.UBND ngày 07/9/2006 của UBND tỉnh V1 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 2017/QĐ.UB ngày 08/7/2004. Thông báo số 24/TB-UBX ngày 19/7/2004 của UBND xã M1, huyện Bình Minh (nay là thị xã B) về việc quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh V1 để xây dựng KCN Bình Minh.

Đến ngày 11/5/2005 ông H khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh V1 đã ban hành Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 có nội dung bác đơn khiếu nại của ông H. Quyết định này được tống đạt vào ngày 24/02/2006, ông H có ký nhận.

Việc ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải quyết khiếu nại. Về trình tự thông báo, niêm yết và giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng theo quy định Luật đất đai và Luật khiếu nại, tố cáo.

[2.3] Về nội dung:

UBND tỉnh V1 đã ban hành Quyết định số 581/QĐ.UBT ngày 19/3/2001 về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng (HĐĐB &GPMB).

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 07/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh V1 đến năm 2010. Ngày 12/02/2001 UBND tỉnh V1 có Công văn số 156/UBT về việc lập dự án khả thi và quy hoạch chi tiết khu tái định cư tập trung Bình Minh trên cơ sở Tờ trình số 32/TTr.KCN ngày 08/02/2001 của Ban Quản lý dự án quy hoạch các KCN về việc xin chủ trương lập dự án.

Ngày 19/3/2001 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 581/QĐ.UBT về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng KCN Bình Minh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

HĐĐB & GPMB thực hiện kê khai và kiểm kê tài sản đối với hộ ông H. Theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004: Tổng số tiền bồi hoàn của ông H là 335.819.000 đồng. Việc áp giá bồi hoàn căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ quy định khung giá các loại đất.

UBND tỉnh V1 đã ban hành các Quyết định số 3067/1999/QĐ.UBT ngày 26/11/1999 Quy định về nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị đền bù; Quyết định số 3068/1999/QĐ.UBT ngày 26/11/1999 Quy định về giá các loại đất; Quyết định số 3069/1999/QĐ.UBT ngày 26/11/1999 Ban hành bảng giá chuẩn nhà ở xây dựng mới; Quyết định số 3070/1999/QĐ-UBT ngày 26/11/1999 Quy định về giá đền bù cây trồng; Quyết định số 1664/2000/QĐ.UBT ngày 19/9/2000 Quy định về bảng giá chuẩn nhà ở xây dựng mới và đơn giá các công trình kiến trúc khác. Quyết định số 4234/2002/QĐ-UB ngày 02/12/2002 Điều chỉnh giá đối với một số loại đất.

UBND tỉnh V1 đã nâng mức áp giá bồi hoàn lên 30% so với quy định mức giá theo các quyết định nêu trên là có căn cứ, có lợi cho ông H.

Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 được ban hành đúng quy định pháp luật: Việc thu hồi đất để xây dựng KCN Bình Minh phù hợp với tình hình phát triển của địa phương đã được Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 702/VPCP-V.II ngày 29/01/2008 của Văn phòng Chính phủ đối với Báo cáo Kết luận của Thanh tra Chính phủ. Phần đất thu hồi của ông H đúng diện tích có kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Ông H đã nhận đất tái định cư, diện tích 150m^2 và đã chuyển nhượng cho người khác.

Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 được ban hành đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 về việc giải quyết đơn khiếu nại về yêu cầu tăng giá đền bù đất, cây trồng và nhận tiền học nghề của ông Huỳnh Ngọc H là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đã đồng ý với án sơ thẩm và không có kháng cáo về phần này. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện BQL các KCN tỉnh V1 trình bày là đã xét cấp thêm 01 nền tái định cư cho con trai của ông H và ông H cũng thừa nhận việc này. Việc giải quyết chế độ cho người có đất thu hồi là phù hợp và có lợi cho người có đất bị thu hồi.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Ông H kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án

do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không thống nhất với những phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh V1 đối với phần diện tích thu hồi của ông có diện tích 3.269m^2, quyết định này kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng KCN Bình Minh ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 132/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh V1 về việc giải quyết đơn khiếu nại về yêu cầu tăng giá đền bù đất, cây trồng và nhận tiền học nghề của ông Huỳnh Ngọc H.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc H đòi bồi thường thiệt hại số tiền 2.442.350.000 đồng.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm thi hành là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000592 ngày 12/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Huỳnh Ngọc H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm thi hành là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông Hđã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000811 ngày 04/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Huỳnh Ngọc H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án, 20bTNB.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương